

## Chương II

### Tái sản xuất xã hội và tăng trưởng kinh tế

Những vấn đề chung nhất của sản xuất của cải vật chất như vai trò của nó trong đời sống xã hội, các yếu tố cơ bản của quá trình lao động sản xuất, sản phẩm xã hội, hai mặt của nền sản xuất xã hội đã được phân tích và trình bày ở *Chương I*. Tuy nhiên, các quá trình sản xuất sẽ được khôi phục và mở rộng như thế nào? Làm thế nào để tăng trưởng kinh tế? v.v., những vấn đề này sẽ được nghiên cứu ở *Chương II*.

#### I- Tái sản xuất xã hội

##### 1. Những khái niệm cơ bản về tái sản xuất xã hội

Như đã biết, sản xuất của cải vật chất là cơ sở của đời sống xã hội, xã hội không thể ngừng tiêu dùng, do đó không thể ngừng sản xuất. Vì vậy bất cứ quá trình sản xuất xã hội nào, nếu xét theo tiến trình đổi mới không ngừng của nó, chứ không phải xét theo hình thái từng lúc, thì đồng thời là quá trình tái sản xuất.

Tái sản xuất là quá trình sản xuất được lặp đi lặp lại thường xuyên và phục hồi không ngừng. Có thể xem xét tái sản xuất trong từng đơn vị kinh tế và trên phạm vi toàn xã hội. Tái sản xuất diễn ra trong từng đơn vị kinh tế được gọi là tái sản xuất cá biệt. Còn tổng thể những tái sản xuất cá biệt trong mối liên hệ hữu cơ với nhau được gọi là tái sản xuất xã hội.

Xét về quy mô của tái sản xuất, người ta chia nó thành hai mức độ là: tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng.

##### a) Tái sản xuất giản đơn

Tái sản xuất giản đơn là quá trình sản xuất được lặp lại với quy mô như cũ.

Tái sản xuất giản đơn là đặc trưng chủ yếu của nền sản xuất nhỏ. Trong tái sản xuất giản đơn năng suất lao động rất thấp, thường chỉ đạt mức đủ nuôi sống con người, chưa có sản phẩm thặng dư hoặc nếu có một ít sản phẩm thặng dư thì cũng chỉ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân, chứ chưa dùng để mở rộng sản xuất.

##### b) Tái sản xuất mở rộng

Tái sản xuất mở rộng là quá trình sản xuất được lặp lại với quy mô lớn hơn trước.

Tái sản xuất mở rộng là đặc trưng chủ yếu của nền sản xuất lớn. Để có tái

sản xuất mở rộng thì năng suất lao động xã hội phải đạt đến một trình độ cao nhất định, vượt ngưỡng của sản phẩm tất yếu và tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm thặng dư bởi vì sản phẩm thặng dư dùng để đầu tư thêm vào sản xuất mới là nguồn lực trực tiếp của tái sản xuất mở rộng.

Lịch sử phát triển nền sản xuất xã hội cho thấy việc chuyển từ tái sản xuất giản đơn sang tái sản xuất mở rộng là quá trình lâu dài gắn liền với quá trình chuyển nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn. Quá trình chuyển tái sản xuất giản đơn sang tái sản xuất mở rộng là một yêu cầu khách quan của cuộc sống. Bởi vì, *một là*, do dân số thường xuyên tăng lên; *hai là*, do nhu cầu về vật chất, tinh thần của con người cũng thường xuyên tăng lên. Do đó, xã hội phải không ngừng mở rộng sản xuất, làm cho số lượng và chất lượng của cải ngày càng nhiều hơn, tốt hơn.

Tái sản xuất mở rộng có thể được thực hiện theo hai hướng (có thể gọi là hai mô hình) sau:

*- Tái sản xuất mở rộng theo chiều rộng*

Đó là sự mở rộng quy mô sản xuất chủ yếu bằng cách tăng thêm các yếu tố đầu vào (vốn, tài nguyên, sức lao động...). Do đó, số sản phẩm làm ra tăng lên. Còn năng suất lao động và hiệu quả sử dụng các yếu tố sản xuất không thay đổi.

*- Tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu*

Đó là sự mở rộng quy mô sản xuất làm cho sản phẩm tăng lên chủ yếu nhờ tăng năng suất lao động và nâng cao hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào của sản xuất. Còn các yếu tố đầu vào của sản xuất căn bản không thay đổi, giảm đi hoặc tăng lên nhưng mức tăng chậm hơn mức tăng năng suất lao động và hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào. Điều kiện chủ yếu để thực hiện tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu là ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến.

Tái sản xuất mở rộng theo chiều rộng sẽ khai thác được nhiều các yếu tố đầu vào của sản xuất (đất đai, tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, sức lao động...) nhưng lại làm cho các nguồn tài nguyên thiên nhiên nhanh chóng bị cạn kiệt và thường gây ra ô nhiễm môi trường nhiều hơn. Còn tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu sẽ hạn chế được các nhược điểm trên vì việc sử dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vừa hạn chế ô nhiễm môi trường vừa giảm được các chi phí vật chất trong một đơn vị sản phẩm làm ra.

Thông thường khi mới chuyển từ tái sản xuất giản đơn sang tái sản xuất mở rộng thì đó là tái sản xuất mở rộng theo chiều rộng, rồi mới dần dần chuyển sang tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu. Nhưng trong những điều kiện có thể, cần

thực hiện kết hợp cả hai mô hình tái sản xuất nói trên.

## **2. Các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội**

Sản phẩm xã hội vận động không ngừng bắt đầu từ sản xuất rồi qua phân phối, trao đổi và kết thúc ở tiêu dùng (tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cá nhân). Cùng với sự vận động của sản phẩm, các quan hệ kinh tế giữa người với người cũng được hình thành. Tái sản xuất xã hội là sự thống nhất và tác động lẫn nhau của các khâu sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng, trong đó mỗi khâu có một vị trí nhất định.

Sản xuất là khâu mở đầu, trực tiếp tạo ra sản phẩm, giữ vai trò quyết định đối với các khâu khác bởi vì người ta chỉ có thể phân phối, trao đổi và tiêu dùng những cái do sản xuất tạo ra. Chính quy mô và cơ cấu sản phẩm cũng như chất lượng và tính chất của sản phẩm do sản xuất tạo ra quyết định đến quy mô và cơ cấu tiêu dùng, quyết định chất lượng và phương thức tiêu dùng. Tiêu dùng là khâu cuối cùng, là điểm kết thúc của một quá trình tái sản xuất. Tiêu dùng là mục đích của sản xuất, tạo ra nhu cầu cho sản xuất. Tiêu dùng là "đơn đặt hàng" của xã hội đối với sản xuất. Nó là một căn cứ quan trọng để xác định khối lượng, cơ cấu, chất lượng, hình thức sản phẩm. Vì vậy, tiêu dùng có tác động mạnh mẽ đối với sản xuất. Sự tác động này có thể theo hai hướng: thúc đẩy mở rộng sản xuất nếu sản phẩm tiêu thụ được và ngược lại, sản xuất suy giảm khi sản phẩm khó tiêu thụ.

Phân phối và trao đổi vừa là khâu trung gian, là cầu nối sản xuất với tiêu dùng, vừa có tính độc lập tương đối với sản xuất và tiêu dùng, vừa có tính độc lập tương đối với nhau. Phân phối bao gồm phân phối cho sản xuất tức là phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra các sản phẩm, và phân phối cho tiêu dùng, tức là sự phân chia sản phẩm cho các cá nhân tiêu dùng. Tính chất và nguyên tắc của quan hệ phân phối và bản thân quy luật phân phối đều do tính chất của nền sản xuất và quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất quyết định. Song, phân phối có thể tác động thúc đẩy sản xuất phát triển nếu quan hệ phân phối tiến bộ, phù hợp, đồng thời nó cũng có thể kìm hãm sản xuất và tiêu dùng khi nó không phù hợp.

Trao đổi bao gồm trao đổi hoạt động thực hiện trong quá trình sản xuất và trao đổi sản phẩm xã hội. Trao đổi sản phẩm là sự tiếp tục của khâu phân phối, là sự phân phối lại cái đã được phân phối, làm cho sự phân phối được cụ thể hoá, thích hợp với mọi nhu cầu của các tầng lớp dân cư và các ngành sản xuất. Trao đổi do sản xuất quyết định, nhưng trao đổi cũng có tính độc lập tương đối của nó, cũng tác động trở lại đối với sản xuất và tiêu dùng bởi vì khi phân phối lại, cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho sản xuất và tiêu dùng nó có thể thúc đẩy hoặc cản trở sản xuất và tiêu dùng.

Tóm lại, quá trình tái sản xuất bao gồm các khâu sản xuất - phân phối - trao

đổi và tiêu dùng sản phẩm xã hội có quan hệ biện chứng với nhau. Trong mối quan hệ đó sản xuất là gốc, có vai trò quyết định; tiêu dùng là mục đích, là động lực của sản xuất; còn phân phối và trao đổi là những khâu trung gian nối sản xuất với tiêu dùng, có tác động đến cả sản xuất và tiêu dùng.

### **3. Nội dung chủ yếu của tái sản xuất xã hội**

ở bất cứ xã hội nào, quá trình tái sản xuất cũng bao gồm những nội dung chủ yếu là tái sản xuất của cải vật chất, tái sản xuất sức lao động, tái sản xuất quan hệ sản xuất và tái sản xuất môi trường sinh thái.

#### **a) Tái sản xuất của cải vật chất**

Những của cải vật chất (bao gồm tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng) sẽ bị tiêu dùng trong quá trình sản xuất và sinh hoạt xã hội. Do đó cần phải tái sản xuất ra chúng. Tái sản xuất mở rộng của cải vật chất là điều kiện cho sự tồn tại và phát triển xã hội.

Trong tái sản xuất của cải vật chất thì tái sản xuất ra tư liệu sản xuất có ý nghĩa quyết định đối với tái sản xuất ra tư liệu tiêu dùng, nhưng tái sản xuất ra tư liệu tiêu dùng lại có ý nghĩa quyết định để tái sản xuất sức lao động của con người, lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội.

Trước đây, chỉ tiêu đánh giá kết quả tái sản xuất xã hội là tổng sản phẩm xã hội. Đó là toàn bộ sản phẩm do lao động trong các ngành sản xuất vật chất tạo ra trong một thời kỳ nhất định, thường được tính là một năm. Tổng sản phẩm xã hội được xét cả về mặt hiện vật và giá trị. Về hiện vật, nó bao gồm toàn bộ tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Về giá trị, nó bao gồm giá trị của bộ phận tư liệu sản xuất bị tiêu dùng trong sản xuất và bộ phận giá trị mới, gồm có giá trị của toàn bộ sức lao động xã hội, ngang với tổng số tiền công trả cho người lao động sản xuất trực tiếp và giá trị của sản phẩm thặng dư do lao động thặng dư tạo ra.

Hiện nay, do các ngành sản xuất phi vật thể (dịch vụ) phát triển và ở nhiều nước nó tạo ra nguồn thu nhập ngày càng lớn so với các ngành sản xuất khác, mặt khác, hầu hết các nền kinh tế quốc gia là nền kinh tế mở cửa với bên ngoài, Liên hợp quốc dùng hai chỉ tiêu là: tổng sản phẩm quốc dân (GNP = Gross National Product) và tổng sản phẩm quốc nội (GDP = Gross Domestic Product) để đánh giá quy mô và tốc độ tăng trưởng của cải vật chất của mỗi quốc gia.

- GNP là tổng giá trị thị trường của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng mà một nước sản xuất ra từ các yếu tố sản xuất của mình (dù là sản xuất ở trong nước hay ở nước ngoài) trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).

- GDP là tổng giá trị thị trường của toàn bộ hàng hóa và dịch vụ cuối cùng mà một nước sản xuất ra trên lãnh thổ của mình (dù nó thuộc về người trong nước

hay người nước ngoài) trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).

So sánh GNP với GDP thì ta có:

$GNP = GDP + \text{thu nhập ròng từ tài sản ở nước ngoài.}$

Thu nhập ròng từ tài sản ở nước ngoài bằng thu nhập của người trong nước làm việc hoặc đầu tư ở nước ngoài chuyển về nước trừ đi thu nhập của người nước ngoài làm việc hoặc đầu tư tại nước đó chuyển ra khỏi nước.

Như vậy, nếu chỉ tiêu tổng sản phẩm quốc dân phản ánh kết quả cuối cùng của các hoạt động kinh tế của một nước không kể các đơn vị kinh tế của nước đó nằm ở đâu (gồm các đơn vị nằm trên lãnh thổ nước sở tại và nằm trên lãnh thổ của nước khác), thì chỉ tiêu tổng sản phẩm quốc nội chỉ phản ánh kết quả cuối cùng của các hoạt động kinh tế nằm trên lãnh thổ nước sở tại (gồm các đơn vị kinh tế của nước sở tại và các đơn vị kinh tế của nước khác nằm trên lãnh thổ nước sở tại).

Quy mô và tốc độ tăng trưởng của cải vật chất phụ thuộc vào quy mô và hiệu quả sử dụng các nguồn lực như: tăng khối lượng lao động (số người lao động, thời gian lao động và cường độ lao động) và tăng năng suất lao động mà thực chất là tiết kiệm lao động quá khứ và lao động sống trong một đơn vị sản phẩm, trong đó tăng năng suất lao động là vô hạn.

### **b) Tái sản xuất sức lao động**

Cùng với quá trình tái sản xuất của cải vật chất, sức lao động xã hội cũng không ngừng được tái tạo. Trong các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, việc tái sản xuất sức lao động có sự khác nhau. Sự khác nhau này do trình độ phát triển lực lượng sản xuất khác nhau, nhưng trước tiên là do bản chất của quan hệ sản xuất thống trị quy định. Nhìn chung quá trình tái sản xuất sức lao động diễn ra trong lịch sử thể hiện ở sự tiến bộ xã hội. Tất nhiên, tiến bộ luôn gắn liền với sự phát triển của những thành tựu khoa học, công nghệ mà thời đại sáng tạo ra. Vì vậy, tái sản xuất sức lao động ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng.

Tái sản xuất sức lao động về mặt số lượng chịu sự chi phối của nhiều điều kiện khác nhau, trước hết là của quy luật nhân khẩu. Quy luật này đòi hỏi phải đảm bảo sự phù hợp giữa nhu cầu và khả năng cung ứng sức lao động của quá trình tái sản xuất xã hội. Tái sản xuất mở rộng sức lao động về mặt số lượng chịu sự chi phối của các nhân tố chủ yếu:

- Tốc độ tăng dân số và lao động.
- Xu hướng thay đổi công nghệ, cơ cấu, số lượng và tính chất của lao động (thủ công, cơ khí, tự động hoá).
- Năng lực tích lũy vốn để mở rộng sản xuất của mỗi quốc gia ở từng thời

kỳ.

Tái sản xuất mở rộng sức lao động về mặt chất lượng thể hiện ở sự tăng lên về thể lực và trí lực của người lao động qua các chu kỳ sản xuất. Tái sản xuất sức lao động về mặt chất lượng phụ thuộc vào nhiều nhân tố như: mục đích của nền sản xuất của mỗi xã hội; chế độ phân phối sản phẩm và địa vị của người lao động; những đặc trưng mới của lao động do cách mạng khoa học - công nghệ đòi hỏi; chính sách y tế, giáo dục và đào tạo của mỗi quốc gia.

### **c) Tái sản xuất quan hệ sản xuất**

Nền sản xuất xã hội chỉ có thể diễn ra trong những quan hệ sản xuất nhất định. Quá trình tái sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động gắn liền với tái sản xuất quan hệ sản xuất.

Sau mỗi chu kỳ sản xuất, quan hệ sản xuất được tái hiện, quan hệ giữa người với người về sở hữu tư liệu sản xuất, về quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm được củng cố, phát triển và hoàn thiện hơn, làm cho quan hệ sản xuất thích ứng với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất tạo điều kiện để nền sản xuất xã hội ổn định và phát triển.

### **d) Tái sản xuất môi trường sinh thái**

Sản xuất của cải vật chất là quá trình con người tác động vào tự nhiên, khai thác các vật thể của tự nhiên nhằm đáp ứng nhu cầu cho cá nhân và xã hội. Do đó, các tài nguyên thiên nhiên có nguy cơ cạn kiệt (đất đai canh tác bị bạc màu, tài nguyên rừng, khoáng sản, biển không khôi phục kịp tốc độ khai thác, các nguồn nước ngầm bị cạn kiệt...). Mặt khác, do sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp và nhiều nguyên nhân khác cũng làm cho môi trường thiên nhiên bị ô nhiễm (đất, nước, không khí). Vì vậy, tái sản xuất môi trường sinh thái (khôi phục các nguồn tài nguyên có khả năng tái sinh như độ màu mỡ của đất đai, trồng và bảo vệ rừng, nuôi trồng thủy hải sản và bảo vệ môi trường trong sạch, bao gồm cả môi trường nước, không khí và đất) là điều kiện tất yếu của mọi quốc gia và cả loài người đang quan tâm nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững, phải được thể hiện trong chính sách kinh tế và pháp luật của mỗi quốc gia.

## **4. Hiệu quả của tái sản xuất xã hội**

Hiệu quả của tái sản xuất xã hội là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh sự tiến bộ kinh tế - xã hội, có ý nghĩa quan trọng của nền sản xuất xã hội ở các thời đại khác nhau trong lịch sử.

Về mặt kinh tế, hiệu quả của tái sản xuất xã hội có thể tính bằng hiệu quả tương đối hoặc hiệu quả tuyệt đối.

Hiệu quả tương đối của tái sản xuất xã hội là tỷ số tính theo phần trăm giữa kết quả sản xuất mà xã hội nhận được với toàn bộ lao động xã hội đã bỏ ra (gồm

chi phí lao động quá khứ và lao động sống).

$$H = \frac{K}{C} \times 100(\%)$$

Trong đó:

H là hiệu quả tương đối của tái sản xuất xã hội.

K là kết quả sản xuất xã hội.

C là chi phí lao động xã hội.

Hiệu quả tuyệt đối của tái sản xuất xã hội là hiệu số giữa kết quả sản xuất xã hội và chi phí lao động xã hội.

Trong thực tế, người ta thường dùng nhiều chỉ tiêu khác nhau để tính hiệu quả kinh tế của tái sản xuất xã hội từng phần; như: Hiệu quả sử dụng tài sản cố định, hiệu quả sử dụng vật tư (tư liệu sản xuất), hiệu quả sử dụng lao động sống (năng suất lao động, v.v.).

Về mặt xã hội, hiệu quả của tái sản xuất xã hội biểu hiện sự tiến bộ xã hội như sự phân hóa giàu nghèo và sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng ngày càng giảm; đời sống của xã hội được cải thiện, tỷ lệ thất nghiệp ngày càng ít, dân trí ngày càng được nâng cao, chất lượng phục vụ y tế, tuổi thọ... tăng lên.

Nếu hiệu quả kinh tế của tái sản xuất xã hội phụ thuộc chủ yếu vào trình độ của lực lượng sản xuất là đúng cho mọi xã hội thì hiệu quả xã hội của tái sản xuất xã hội lại phụ thuộc trực tiếp vào quan hệ sản xuất, nó không giống nhau ở các xã hội khác nhau.

Mối quan hệ giữa hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội được kết hợp trong quá trình tái sản xuất gọi là hiệu quả kinh tế - xã hội. Kết hợp hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội là đặc trưng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, nó biểu hiện ở sự kết hợp chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

### **5. Xã hội hóa sản xuất**

Sản xuất bao giờ cũng mang tính xã hội. Tính xã hội của sản xuất phát triển từ thấp đến cao gắn liền với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tuy nhiên cần phân biệt tính xã hội của sản xuất với xã hội hóa sản xuất. Trong nền sản xuất nhỏ, kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc, các hoạt động kinh tế thường được thực hiện ở các đơn vị kinh tế độc lập với nhau. Nếu có quan hệ với nhau thì chỉ là quan hệ theo số cộng đơn thuần chứ chưa có quan hệ phụ thuộc hữu cơ với nhau. Nền sản xuất ở đây có tính xã hội nhưng chưa được xã hội hóa.

Xã hội hóa sản xuất chỉ ra đời và phát triển dựa trên trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất, gắn với sự ra đời và phát triển của nền sản xuất lớn. Xã

hội hóa sản xuất là sự liên kết nhiều quá trình kinh tế riêng biệt thành quá trình kinh tế - xã hội. Nó là một quá trình được hình thành, hoạt động và phát triển liên tục, tồn tại như một hệ thống hữu cơ.

Xã hội hóa sản xuất là quá trình kinh tế khách quan của sự phát triển tính xã hội của sản xuất, được quy định bởi sự phát triển cao của lực lượng sản xuất xã hội và của sản xuất hàng hóa. Xã hội hóa sản xuất biểu hiện ở sự phân công, hợp tác lao động phát triển; mối liên hệ kinh tế giữa các đơn vị, các ngành, các khu vực ngày càng chặt chẽ; sản xuất tập trung với những quy mô hợp lý, sản phẩm làm ra là kết quả của nhiều người, nhiều đơn vị, nhiều ngành, thậm chí của nhiều nước, v.v.. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội, của sản xuất hàng hóa thúc đẩy sự phân công và hợp tác lao động phát triển, phá vỡ tính chất khép kín, biệt lập của các chủ thể kinh tế, của các vùng, các địa phương và của các quốc gia, thu hút chúng vào quá trình kinh tế thống nhất, làm cho sự phụ thuộc lẫn nhau về cả "đầu vào" và "đầu ra" của quá trình sản xuất ngày càng phát triển và chặt chẽ - tức xã hội hóa sản xuất phát triển cả chiều rộng và chiều sâu.

Về nội dung, xã hội hóa sản xuất thể hiện trên ba mặt:

- Xã hội hóa sản xuất về kinh tế - kỹ thuật (xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất).
- Xã hội hóa sản xuất về kinh tế - tổ chức (tổ chức, quản lý nền sản xuất xã hội cho phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở từng thời kỳ).
- Xã hội hóa sản xuất về kinh tế - xã hội (xác lập quan hệ sản xuất trong đó quan trọng nhất là quan hệ sở hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu).

Ba mặt trên có quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo nên tính toàn diện của xã hội hóa sản xuất. Xã hội hóa sản xuất được tiến hành đồng bộ trên cả ba mặt nói trên và có sự phù hợp giữa ba mặt đó, là xã hội hóa sản xuất thực tế. Nếu chỉ dừng lại ở xã hội hóa sản xuất về tư liệu sản xuất, không quan tâm đến xã hội hóa các mặt khác của quan hệ sản xuất thì đó là xã hội hóa sản xuất hình thức. Tiêu chuẩn quan trọng để xem xét trình độ xã hội hóa sản xuất là ở năng suất lao động và hiệu quả của nền sản xuất xã hội.

## **II- Tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội**

### **1. Tăng trưởng kinh tế**

#### **a) Khái niệm**

Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về quy mô sản lượng của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định. Sự tăng trưởng được so sánh theo các thời điểm gốc sẽ phản ánh tốc độ tăng trưởng. Đó là sự gia tăng quy mô sản lượng nhanh hay



chậm so với thời điểm gốc.

Tăng trưởng kinh tế, dưới dạng khái quát, là sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc dân (GNP) hoặc tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong một thời gian nhất định (thường tính cho một năm).

Chỉ tiêu chính biểu hiện mức tăng trưởng kinh tế là tỷ lệ tăng GNP hoặc GDP của thời kỳ sau so với thời kỳ trước theo công thức:

$$\frac{GNP_1 - GNP_0}{GNP_0} \times 100 (\%)$$

hoặc

$$\frac{GDP_1 - GDP_0}{GDP_0} \times 100 (\%)$$

Trong đó:

- $GNP_0$  và  $GDP_0$  là tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội thời kỳ trước.
- $GNP_1$  và  $GDP_1$  là tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội thời kỳ sau.

Do có sự biến động của giá cả (lạm phát) nên người ta phân định ra GNP, GDP danh nghĩa và GNP, GDP thực tế. GNP và GDP danh nghĩa là GNP, GDP tính theo giá hiện hành của thời kỳ tính; còn GNP và GDP thực tế là GNP, GDP tính theo giá cố định của một năm được chọn làm gốc. Vì vậy, trong thực tế có tăng trưởng kinh tế danh nghĩa (tính theo GNP, GDP danh nghĩa) và tăng trưởng kinh tế thực tế (tính theo GNP, GDP thực tế).

Cách tính GNP và GDP thực tế:

- $GNP \text{ thực tế} = GNP_n (1 - R)$

Trong đó:

- $GNP_n$  là tổng sản phẩm quốc dân tính theo giá hiện hành của năm tính toán.
- $R$  là chỉ số lạm phát (tính bằng %).
- $GDP \text{ thực tế} = GDP_n (1 - R)$ .

Trong đó:

- $GDP_n$  là tổng sản phẩm quốc nội tính theo giá hiện hành của năm tính toán.
- $R$  là chỉ số lạm phát (tính bằng %).

### **b) Vai trò của tăng trưởng kinh tế**

Tăng trưởng kinh tế có vai trò vô cùng quan trọng đối với mỗi quốc gia. Nó

là điều kiện cần thiết đầu tiên để khắc phục tình trạng đói nghèo, lạc hậu; để cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho dân cư như: tăng tuổi thọ, giảm suy dinh dưỡng, giảm bệnh tật, phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao, v.v.. Tất nhiên thành quả của tăng trưởng kinh tế phải sử dụng công bằng, hợp lý mới có những tác dụng đó.

Tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để tạo thêm việc làm, giảm thất nghiệp và nâng cao mức sống của nhân dân. Tuy nhiên, vấn đề này chỉ được giải quyết có kết quả khi có mức tăng dân số hợp lý. Tăng trưởng kinh tế còn là tiền đề vật chất để củng cố an ninh quốc phòng của mỗi quốc gia.

Tăng trưởng kinh tế có vai trò quan trọng, song không phải sự tăng trưởng nào cũng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội như mong muốn. Sự tăng trưởng kinh tế quá mức có thể dẫn nền kinh tế đến "trạng thái quá nóng", lạm phát sẽ xảy ra, làm cho kinh tế xã hội thiếu bền vững; còn sự tăng trưởng kinh tế quá thấp sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội. Vì vậy, cần tăng trưởng kinh tế hợp lý, tức là sự tăng trưởng phù hợp với khả năng của đất nước ở mỗi thời kỳ nhất định. Xác định mức tăng trưởng hợp lý sẽ đảm bảo cho nền kinh tế ở trạng thái tăng trưởng bền vững. Đó là sự tăng trưởng kinh tế đạt mức tương đối cao và ổn định trong thời gian tương đối dài gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái và tiến bộ xã hội.

### **c) Các nhân tố tăng trưởng kinh tế**

Tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào nhiều nhân tố, song các nhân tố cơ bản là:

- *Vốn*

Theo nghĩa rộng vốn được hiểu là toàn bộ của cải vật chất do con người tạo ra, tích lũy lại và những yếu tố tự nhiên được sử dụng vào quá trình sản xuất.

Theo nghĩa hẹp, vốn là một trong những yếu tố đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất. Theo nghĩa này, vốn tồn tại dưới hai hình thức: vốn hiện vật và vốn tài chính. Vốn hiện vật tồn tại dưới hình thức vật chất của quá trình sản xuất như nhà xưởng, máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu... Vốn tài chính là vốn tồn tại dưới hình thức tiền tệ hay các loại chứng khoán. Vốn có vai trò rất quan trọng để tăng trưởng kinh tế. Mối quan hệ giữa tăng vốn đầu tư với tăng GDP gọi là hiệu suất sử dụng vốn sản phẩm gia tăng ICOR (Incremental Capital output Ration). Đó là tỷ lệ tăng đầu tư chia cho tỷ lệ tăng của GDP. Những nền kinh tế thành công thường khởi đầu quá trình phát triển với các chỉ số ICOR thấp thường không quá 3% có nghĩa là phải tăng vốn đầu tư 3% để tăng 1% GDP.

Vai trò của nhân tố vốn đối với tăng trưởng kinh tế không chỉ thể hiện ở mức vốn đầu tư mà còn ở hiệu suất sử dụng vốn.

- *Con người*

Con người là nhân tố cơ bản của tăng trưởng kinh tế bền vững. Tất nhiên, đó là con người có sức khỏe, có trí tuệ, có kỹ năng cao, có ý chí và nhiệt tình lao động và được tổ chức hợp lý.

Con người là nhân tố cơ bản của tăng trưởng kinh tế bền vững bởi vì:

- Tài năng, trí tuệ của con người là vô tận. Đây là yếu tố quyết định trong nền kinh tế tri thức. Còn vốn, tài nguyên thiên nhiên... là hữu hạn.

- Con người sáng tạo ra kỹ thuật, công nghệ và sử dụng kỹ thuật, công nghệ, vốn... để sản xuất. Nếu không có con người, các yếu tố này không thể tự phát sinh tác dụng.

Vì vậy, phát triển giáo dục - đào tạo, y tế... là để phát huy nhân tố con người. Đó chính là sự đầu tư cho phát triển.

- *Khoa học và công nghệ*

Khoa học và công nghệ là nguồn lực quan trọng để tăng trưởng kinh tế. Đây là nhân tố cho phép tăng trưởng kinh tế và tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu. Khoa học và công nghệ tiên tiến tạo ra năng suất lao động cao, chất lượng sản phẩm tốt, lao động thặng dư lớn, tạo ra nguồn tích lũy lớn từ nội bộ nền kinh tế để đầu tư cho tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Ngày nay, khoa học - công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực của tăng trưởng kinh tế.

- *Cơ cấu kinh tế*

Cơ cấu kinh tế có vai trò quan trọng để tăng trưởng kinh tế. Cơ cấu kinh tế bao gồm: cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vùng và cơ cấu thành phần kinh tế. Cơ cấu kinh tế hợp lý thể hiện ở chỗ xác định đúng tỷ trọng, vai trò, thế mạnh của các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, từ đó phân bổ các nguồn lực phù hợp (vốn, sức lao động...). Cơ cấu kinh tế hợp lý có tác dụng phát huy các thế mạnh, các tiềm năng, các yếu tố sản xuất của đất nước có hiệu quả, là yếu tố quan trọng của sự tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

- *Thế chế chính trị và quản lý nhà nước*

Đây là một nhân tố quan trọng và có quan hệ với các nhân tố khác. Thế chế chính trị ổn định và tiên bộ cùng với sự quản lý có hiệu quả của nhà nước tạo điều kiện để tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, khắc phục được những khuyết tật của những kiểu tăng trưởng kinh tế đã có trong lịch sử như: gây ô nhiễm môi trường, phân hóa giàu nghèo sâu sắc, sự phát triển chênh lệch quá lớn giữa các khu vực; đồng thời sử dụng và phát triển có hiệu quả các nhân tố vốn, con người, khoa học, công nghệ, mở rộng tích lũy, tiết kiệm và thu hút các nguồn

lực từ bên ngoài (vốn, công nghệ...) để tăng trưởng kinh tế có hiệu quả.

## **2. Phát triển kinh tế**

### **a) Khái niệm**

Phát triển kinh tế và tăng trưởng kinh tế có quan hệ với nhau, nhưng không đồng nhất với nhau.

Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự hoàn thiện cơ cấu, thể chế kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống. Phát triển kinh tế biểu hiện:

*Một là*, sự tăng lên của GNP, GDP hoặc GNP và GDP tính theo đầu người, tức là sự tăng trưởng kinh tế phải lớn hơn mức tăng dân số. Đồng thời đó phải là sự tăng trưởng kinh tế ổn định và vững chắc.

*Hai là*, sự thay đổi của cơ cấu kinh tế theo hướng tỷ trọng của ngành dịch vụ và công nghiệp trong GDP tăng lên còn tỷ trọng của nông nghiệp giảm xuống, nhưng giá trị tuyệt đối của các ngành đều tăng lên. Đó là tính quy luật của quá trình vận động của nền sản xuất nhỏ sang nền sản xuất lớn, hiện đại.

*Ba là*, chất lượng cuộc sống của đại bộ phận dân cư phải được cải thiện, tăng lên. Muốn vậy, không phải chỉ có GNP (hoặc GDP) theo đầu người tăng lên, mà còn phải phân phối công bằng, hợp lý kết quả tăng trưởng, bảo đảm sự tăng lên của thu nhập thực tế, chất lượng giáo dục, y tế... mà mỗi người dân được hưởng, ổn định lạm phát, ngăn ngừa khủng hoảng nhờ có thể chế kinh tế tiến bộ; chất lượng sản phẩm ngày càng cao; bảo vệ môi trường sinh thái.

Tăng trưởng kinh tế là điều kiện, tiền đề cho phát triển kinh tế, phát triển kinh tế là động lực đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

### **b) Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế**

Phát triển kinh tế biểu hiện rõ rệt nhất ở sự tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, mọi nhân tố tăng trưởng kinh tế cũng đồng thời là nhân tố phát triển kinh tế. Nhưng phát triển kinh tế có nội dung rộng hơn tăng trưởng kinh tế. Do đó ngoài các nhân tố tăng trưởng kinh tế, còn các yếu tố khác tác động đến sự phát triển kinh tế. Dưới dạng khái quát, sự phát triển kinh tế chịu ảnh hưởng của các yếu tố sau:

#### *- Các yếu tố thuộc lực lượng sản xuất*

Các yếu tố thuộc lực lượng sản xuất tạo thành các yếu tố đầu vào của sản xuất. Số lượng và chất lượng của yếu tố đầu vào quyết định đến số lượng, chất lượng của hàng hóa và dịch vụ, ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế. Trong lực lượng sản xuất, ngoài các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên thì yếu tố con người và khoa học, công nghệ có vai trò hết sức to lớn. Ngày nay, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học và công nghệ là động lực thúc

đẩy phát triển kinh tế của các quốc gia. Công nghệ tiên tiến, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao, nếu được vận dụng phù hợp, sẽ sử dụng có hiệu quả các yếu tố đầu vào, tăng năng suất lao động, tạo ra hàng hóa có chất lượng cao và bảo vệ môi trường sinh thái. Đây là yếu tố quan trọng để phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Tuy nhiên nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất luôn luôn là con người, đặc biệt trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Chỉ con người mới là nhân tố năng động, sáng tạo ra công nghệ mới và sử dụng công nghệ để tạo ra của cải vật chất. Vì vậy, đầu tư vào các lĩnh vực để phát huy nhân tố con người chính là đầu tư vào phát triển kinh tế.

*- Những yếu tố thuộc về quan hệ sản xuất*

Quan hệ sản xuất ảnh hưởng đến phát triển kinh tế theo hai hướng: *một là*, thúc đẩy phát triển kinh tế khi quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; *hai là*, ngược lại quan hệ sản xuất kìm hãm sự phát triển kinh tế nếu không có sự phù hợp. Quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, tức là có chế độ và các hình thức sở hữu tư liệu sản xuất phù hợp, các hình thức tổ chức kinh tế năng động, hiệu quả, các hình thức phân phối thu nhập công bằng, hợp lý, kích thích tính tích cực, sáng tạo của người lao động... làm cho các nguồn lực của nền kinh tế được khai thác, sử dụng có hiệu quả, thì quan hệ sản xuất ấy thúc đẩy kinh tế phát triển.

*- Những yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng*

Kiến trúc thượng tầng có tác động đến sự phát triển kinh tế. Sự tác động này có đặc điểm:

*Một là*, các yếu tố khác nhau của kiến trúc thượng tầng có mức độ tác động khác nhau đến sự phát triển kinh tế. Chẳng hạn, các yếu tố như tư tưởng, đạo đức... tác động gián tiếp đến phát triển kinh tế, còn các yếu tố như chính trị, pháp luật, thể chế... lại tác động trực tiếp hơn và mạnh mẽ hơn.

*Hai là*, tác động của kiến trúc thượng tầng đến sự phát triển kinh tế cũng có thể diễn ra theo hai hướng: thúc đẩy sự phát triển kinh tế nếu nó phù hợp hoặc kìm hãm sự phát triển nếu nó không phù hợp với hạ tầng cơ sở, với những yêu cầu khách quan của cuộc sống. Ví dụ: những chính sách kinh tế, pháp luật kinh tế nếu phù hợp sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển và ngược lại, nó sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế.

### **3. Quan hệ giữa phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội**

#### **a) Tiến bộ xã hội**

Tiến bộ xã hội là sự phát triển con người một cách toàn diện, phát triển các

quan hệ xã hội công bằng và dân chủ. Tiến bộ xã hội là quy luật phát triển khách quan của lịch sử xã hội, là sự thay thế của các hình thái kinh tế - xã hội, hình thái sau cao hơn hình thái trước. Sự tiến bộ xã hội thể hiện ở sự công bằng xã hội, ở mức sống của con người tăng lên, sự phân hóa giàu nghèo ít và sự chênh lệch nhỏ về trình độ phát triển giữa các khu vực, thất nghiệp ít hoặc được loại trừ, các loại phúc lợi xã hội, dân trí, v.v. tăng lên.

Tiến bộ xã hội được thể hiện tập trung ở sự phát triển nhân tố con người. Liên hợp quốc dùng khái niệm chỉ số về phát triển con người (HDI - Human Development Issue) làm tiêu chí đánh giá sự tiến bộ và phát triển của mỗi quốc gia. Chỉ số HDI được xây dựng với ba chỉ tiêu cơ bản là:

- Tuổi thọ bình quân, đó là số năm sống bình quân của mỗi người dân ở một quốc gia từ khi sinh ra đến lúc chết.

- Thành tựu giáo dục, được tính bằng trình độ học vấn của người dân và số năm đi học bình quân của người dân tính từ tuổi đi học (mặt bằng dân trí).

- Mức thu nhập bình quân đầu người (GDP/người/năm).

HDI là chỉ tiêu tổng hợp quan trọng đánh giá tiến bộ xã hội.

### **b) Quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội**

Phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội có quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau.

Phát triển kinh tế là cơ sở vật chất cho tiến bộ xã hội. Tiến bộ xã hội biểu hiện ở sự tăng mức sống của con người, tức là kinh tế phải tăng trưởng làm cho GDP/người tăng lên. Tiến bộ xã hội còn biểu hiện ở sự giảm khoảng cách giàu nghèo, ở trình độ phát triển giữa các vùng chênh lệch ít... Muốn vậy, kinh tế phải phát triển mới có thể tạo điều kiện vật chất để thực hiện các chương trình xoá đói giảm nghèo, đầu tư cho sự phát triển ở các vùng lạc hậu. Tiến bộ xã hội cũng thể hiện ở nâng cao dân trí, học vấn, phục vụ y tế, việc mở rộng các loại phúc lợi xã hội... Những nhiệm vụ trên chỉ có thể thực hiện có kết quả nhờ phát triển kinh tế.

Ngược lại, tiến bộ xã hội lại thúc đẩy sự phát triển kinh tế hơn nữa. *Một mặt*, tiến bộ xã hội xác định các nhu cầu mới của đời sống xã hội, đòi hỏi nền kinh tế phải đáp ứng. *Mặt khác*, tiến bộ xã hội thể hiện ở mức sống của con người tăng lên, trình độ học vấn, dân trí tăng lên, công bằng xã hội tốt hơn... làm cho xã hội ổn định, khả năng lao động sáng tạo và nhiệt tình lao động của con người tốt hơn, thúc đẩy kinh tế phát triển hơn.

Quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội suy đến cùng thực chất là quan hệ biện chứng giữa sự phát triển lực lượng sản xuất với sự phát triển quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Nói cách khác, đó là sự phát triển của hình thái

kinh tế - xã hội.

Phát triển kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội là một trong những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Điều đó được khẳng định trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam: "Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển"<sup>1</sup>, và được phát triển tại Đại hội X của Đảng: "Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người"<sup>2</sup>.

#### **4. Phát triển bền vững**

Phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội cùng với bảo vệ môi trường là những yếu tố của phát triển bền vững.

Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà giữa ba mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Tiêu chí cơ bản để đánh giá sự phát triển bền vững là sự tăng trưởng kinh tế ổn định; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển bền vững được khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng: "*Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường*"<sup>3</sup>. Quan điểm này được tiếp tục khẳng định và cụ thể hoá tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng: "Phát triển nhanh phải đi đôi với nâng cao tính bền vững, hai mặt tác động lẫn nhau, được thể hiện ở cả tầm vĩ mô và vi mô, ở cả tầm ngắn hạn và dài hạn. Tăng trưởng về số lượng phải đi liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế... Phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội... Phải rất coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển"<sup>4</sup>.

#### **Câu hỏi ôn tập**

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.88.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.77.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.162.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.178, 179.

1. Trình bày những khái niệm và phân tích nội dung chủ yếu của tái sản xuất xã hội.

2. Phân biệt xã hội hóa sản xuất với tính xã hội của sản xuất. Vì sao xã hội hóa sản xuất là quá trình kinh tế khách quan. Xã hội hóa sản xuất thực tế và xã hội hóa sản xuất hình thức khác nhau thế nào?

3. Thế nào là tăng trưởng kinh tế? Phân tích vai trò và các yếu tố tăng trưởng kinh tế.

4. Thế nào là phát triển kinh tế? Nó biểu hiện ở những tiêu chí nào? Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế.

5. Thế nào là tiến bộ xã hội? Tiến bộ xã hội được biểu hiện thế nào? Phân tích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội.